

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH : SƯ PHẠM LỊCH SỬ

MÃ NGÀNH : 7140218

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2904/QĐ-ĐHQN ngày 23 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Bình Định, 2022

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử

Tên tiếng Anh: History Teacher Education

Tên các chuyên ngành:

Mã ngành: 7140218

Hình thức đào tạo: Chính quy

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2904/QĐ-ĐHQN ngày 23 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)*

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử

Mã ngành: 7140218

Tên tiếng Anh: History Teacher Education

Tên các chuyên ngành:

Hình thức đào tạo: Chính quy

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử được kế thừa từ chương trình đào tạo sư phạm Lịch sử trước đó và được bổ sung, phát triển theo hướng phát huy tối đa năng lực của người học cùng với nội dung đào tạo toàn diện để đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông và có năng lực học tập suốt đời. Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử đào tạo cử nhân có kiến thức vững vàng về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có năng lực thực hành nghề nghiệp đáp ứng các chuẩn về nghề nghiệp dạy học Lịch sử phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy học ở trường phổ thông hiện nay đáp ứng được yêu cầu xã hội trong bối cảnh mới. Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử sau khi tốt nghiệp có khả năng làm tốt công tác giảng dạy, giáo dục ở các trường phổ thông; có khả năng công tác ở các cơ quan đảng, đoàn thể, chính quyền; có khả năng nghiên cứu khoa học chuyên ngành hoặc theo học các trình độ đào tạo cao hơn.

Chương trình đào tạo cử nhân Sư phạm Lịch sử được xây dựng theo hệ thống tín chỉ với 138 tín chỉ được chia thành 02 khối kiến thức: Kiến thức giáo dục đại cương và Khối kiến thức giáo dục chuyên ngành; trong đó chương trình được thiết kế bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn giúp sinh viên có nhiều lựa chọn các môn học phù hợp với nhu cầu của cá nhân. Tham gia giảng dạy chương trình cử nhân Sư phạm Lịch sử là đội ngũ giảng viên trình độ cao, có uy tín và giàu nhiệt huyết. Trường Đại học Quy Nhơn được biết đến là cái nôi của các ngành Sư phạm nói chung và Sư phạm Lịch sử nói riêng, đào tạo ra hàng nghìn giáo viên phục vụ công tác giáo dục ở khu vực Nam trung bộ, Tây Nguyên và nhiều tỉnh thành trên cả nước.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình	Sư phạm Lịch sử
2. Mã ngành đào tạo	7140218
3. Trường cấp bằng	Đại học Quy Nhơn
4. Tên gọi văn bằng	Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử
5. Trình độ đào tạo	Đại học
6. Số tín chỉ yêu cầu	138 (không kể các môn Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh)
7. Khoa quản lý	Khoa Sư phạm
8. Hình thức đào tạo	Chính quy
9. Thời gian học tập chuẩn toàn khóa	4 năm
10. Đối tượng tuyển sinh	Quy chế tuyển sinh hiện hành của Trường Đại học Quy Nhơn
11. Thang điểm đánh giá	10
12. Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên - Đã hoàn thành các học phần GDTC và có chứng chỉ GDQP-AN - Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ và CNTT theo quy định của Nhà trường
13. Vị trí việc làm	Sau khi tốt nghiệp, cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có thể đảm nhận các vị trí như: - Làm công tác giảng dạy tại các trường phổ thông; - Làm việc tại các cơ quan đảng - đoàn thể, hành chính sự nghiệp, các bảo tàng, khu di tích, hướng dẫn du lịch; - Làm công tác nghiên cứu tại các viện, các trung tâm nghiên cứu liên quan đến kiến thức Lịch sử; - Tiếp tục học lên ở bậc thạc sĩ, tiến sĩ.
14. Học tập nâng cao trình độ	Theo học chuyên ngành thạc sĩ, tiến sĩ các ngành: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử; Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; Quan hệ quốc tế; Quản lý giáo dục, Quản lý văn hóa...
15. Chương trình tham khảo khi xây	- Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử,

dụng	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội. - Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử, Trường ĐHSP Tp. Hồ Chí Minh . - Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử, Trường ĐHSP Huế.
16. Thời điểm cập nhật bản mô tả	Tháng 7/2022

1.3. Sứ mệnh - Tầm nhìn - Triết lý giáo dục

Trường Đại học Quy Nhơn đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, theo Quyết định số 120/QĐCEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định CLGD - Đại học Đà Nẵng

1.3.1. Sứ mệnh Tầm nhìn của Trường Đại học Quy Nhơn

- Sứ mệnh: Trường Đại học Quy Nhơn là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.

- Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Quy Nhơn sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.

1.3.2. Triết lý giáo dục của Trường Đại học Quy Nhơn

Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp

Triết lý giáo dục của trường Đại học Quy Nhơn được chuyển tải vào chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử:

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Lịch sử			Triết lý giáo dục của DQN		
			Toàn diện	Khai phóng	Thực nghiệp
Kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	Các học phần khoa học chính trị, pháp luật	x		
		Các học phần KHXH/KHTN-MT, KH Quản lý, Ngoại ngữ, Tin học		x	x
	Khối kiến thức cơ sở ngành	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	
		Các học phần thí nghiệm, thực hành			
	Khối kiến thức	Các học phần lý thuyết (.....)	x	x	x

	chuyên ngành	Các học phần thí nghiệm, thực hành		X	X
		Các học phần thực tập, thực tế	X		
Khóa luận/đồ án tốt nghiệp					X
Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học sinh viên		X	X	X
	Thi hùng biện, thiết kế mô hình, ý tưởng,			X	X
	Sinh viên tình nguyện (mùa hè xanh)		X	X	
	Hiển máu nhân đạo		X		
	Hoạt động vì người nghèo		X		
Chuẩn đầu ra của chương trình	PLO1	Hiểu được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật Việt Nam; Quốc phòng - An ninh để phục vụ trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.	X		
đào tạo (PLOs)		Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học để tổ chức hoạt động dạy học Lịch sử và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; vận dụng được những kiến thức về khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân, tận dụng tốt mọi cơ hội việc làm.			X
	PLO2				
	PLO3	Vận dụng được những kiến thức cơ bản Khoa học xã hội và nhân văn để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức ngành và chuyên ngành Lịch sử.		X	X
	PLO4	Vận dụng được những kiến thức chuyên môn: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lí luận và phương pháp dạy học để giảng dạy và nghiên cứu môn Lịch sử ở trường phổ thông.		X	X
	PLO5	Vận dụng, phân tích, đánh giá được những kiến thức chuyên sâu của ngành Lịch sử để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ đào tạo cao hơn.		X	X
	PLO6	Vận dụng được các phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử phù hợp với đối tượng người học; khai thác, phát triển		X	X

		được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.			
	PLO7	Vận dụng được những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực của người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy học.		x	x
	PLO8	Truyền đạt kiến thức rõ ràng, dễ hiểu; có tư duy sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những tình huống xảy ra trong giảng dạy; có khả năng thuyết trình, phản biện; có khả năng làm việc nhóm.	x	x	x
	PLO9	Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong hoạt động chuyên môn, giáo dục; sử dụng được tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.		x	x
	PLO10	Có các kỹ năng: sưu tầm và xử lý tư liệu; phân tích, trình bày kiến thức lịch sử; nghiệp vụ sư phạm vững vàng; có kỹ năng tranh luận về những vấn đề tồn tại các quan điểm trái ngược nhau, có văn hóa tranh luận phù hợp; kỹ năng tạo tình huống và giải quyết tình huống có vấn đề trong dạy học để tổ chức tốt hoạt động dạy học Lịch sử nhằm đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục ở trường phổ thông.		x	x
	PLO11	Thiết kế được bài giảng cho từng nhóm đối tượng người học khác nhau một cách linh hoạt và sáng tạo; sử dụng được đa phương tiện trong dạy học để tăng cường hoạt động giảng dạy và giáo dục; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng		x	x

		tạo trong môi trường giáo dục đa văn hóa để phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.			
	PLO12	Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao công tác giáo dục và đạo đức, lối sống cho học sinh; có kỹ năng tư vấn học đường để góp phần giáo dục tích cực cho từng cá nhân, nâng cao kỹ năng sống, thái độ sống đem đến sự tự tin cho người học trong học tập và các hoạt động lợi ích khác của nhà trường trong chương trình phát triển toàn diện trường học.	x	x	x
	PLO13	Có đạo đức chuẩn mực của người giáo viên, gương mẫu trong công tác; yêu nước, trung thực, nhân ái, yêu học sinh, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề, với xã hội; hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.	x	x	x
	PLO14	Có năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm phù hợp với hoàn cảnh và tình huống thực tiễn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.		x	x

1.3.3. Sứ mệnh – Tầm nhìn của Khoa

1.4. Mục tiêu của chương trình đào tạo (ký hiệu: POs)

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử có kiến thức tốt về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục; có phẩm chất chính trị và có sức khỏe tốt; có kỹ năng sư phạm; có khả năng tự học, tự nghiên cứu; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc để giảng dạy hiệu quả bộ môn Lịch sử ở các bậc học trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phổ thông hiện nay.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử bao gồm:

- Về kiến thức

+ PO1: Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và kiến thức đại cương để rèn luyện phẩm chất chính trị và học tập suốt đời; trang bị những kiến thức khởi nghiệp để sinh viên sau khi ra trường có thể thích ứng với mọi cơ hội việc làm; cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ Tổ quốc.

+ PO2: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam, lịch sử địa phương, lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử để người học đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học; đồng thời đảm bảo được yêu cầu đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy và học, kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Lịch sử ở trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục phổ thông về quy mô, chất lượng, hiệu quả.

+ PO3: Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý luận và thực tiễn dạy học Lịch sử ở các bậc học trong hệ thống giáo dục Việt Nam để đáp ứng yêu cầu của việc giảng dạy và giáo dục môn Lịch sử ở nhà trường.

- Về kỹ năng

+ PO4: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh hay các ngoại ngữ tương đương đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo khung 6 bậc của Bộ GD&ĐT và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hiệu quả trong giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục.

+ PO5: Trang bị cho sinh viên kỹ năng giảng dạy, kỹ năng chủ nhiệm lớp, kỹ năng giao tiếp sư phạm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục để thực hiện tốt các công việc của một giáo viên.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO6: Hình thành cho sinh viên các phẩm chất cơ bản của người giáo viên: yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực để mỗi giáo viên thực sự là những tấm gương sáng góp phần hình thành nhân cách cho người học.

+ PO7: Hình thành cho sinh viên ý thức tự học, tự nghiên cứu để phát huy tính chủ động tích cực, tính tự giác, tính độc lập trong việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập. Đồng thời tạo ra nội lực của người học nhằm đáp ứng yêu cầu của việc nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học.

1.5. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (ký hiệu: PLOs)

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được chuẩn đầu ra sau:

1.5.1. Về kiến thức

- Kiến thức chung

+ PLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Pháp luật Việt Nam; Quốc phòng - An ninh để phục vụ trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp.

+ PLO2: Vận dụng được những kiến thức về Tâm lý học, Giáo dục học để tổ chức hoạt động dạy học Lịch sử và hoạt động giáo dục ở trường phổ thông; vận dụng được những kiến thức về khởi nghiệp để phát triển nghề nghiệp dựa trên những thế mạnh của bản thân, tận dụng tốt mọi cơ hội việc làm.

- Kiến thức chuyên môn

+ PLO3: Vận dụng được những kiến thức cơ bản Khoa học xã hội và nhân văn để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức ngành và chuyên ngành Lịch sử.

+ PLO4: Vận dụng được những kiến thức chuyên môn: lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam, lịch sử địa phương, lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử để giảng dạy và nghiên cứu môn Lịch sử ở trường phổ thông.

+ PLO5: Vận dụng, phân tích, đánh giá được những kiến thức chuyên sâu của ngành Lịch sử để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ đào tạo cao hơn.

+ PLO6: Vận dụng được các phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử phù hợp với đối tượng người học; khai thác, phát triển được học liệu, phương tiện dạy học hiệu quả để xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; vận dụng được những kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn.

+ PLO7: Vận dụng được những kiến thức về kiểm tra, đánh giá nhằm đánh giá được trình độ nhận thức, năng lực của người học để lựa chọn mức độ kiến thức, kỹ năng, phương pháp giáo dục cho phù hợp góp phần nâng cao chất lượng dạy học.

1.5.2. Về kỹ năng

- Kỹ năng chung

+ PLO8: Truyền đạt kiến thức rõ ràng, dễ hiểu; có tư duy sáng tạo; có khả năng phát hiện và giải quyết những tình huống xảy ra trong giảng dạy; có khả năng thuyết trình, phản biện; có khả năng làm việc nhóm.

+ PLO9: Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản trong hoạt động chuyên môn, giáo dục; sử dụng được tiếng Anh ở trình độ tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

+ Kỹ năng chuyên môn

+ PLO10: Có khả năng giảng dạy, tuyên truyền, quảng bá tri thức lịch sử thế giới, lịch sử Việt Nam và lịch sử địa phương nơi công tác cho các đối tượng khác nhau (qua giờ học, buổi nói chuyện chuyên đề, tổ chức thi tìm hiểu, dùng tri thức lịch sử để lý giải các vấn đề thời sự...).

+ PLO11: Thiết kế được bài giảng cho từng nhóm đối tượng người học khác nhau một cách linh hoạt và sáng tạo; sử dụng được đa phương tiện trong dạy học để tăng cường hoạt động giảng dạy và giáo dục; tổ chức được các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong môi trường giáo dục đa văn hóa để phát triển ở học sinh năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp.

+ PLO12: Có kỹ năng làm công tác chủ nhiệm ở tất cả các bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân để nâng cao công tác giáo dục và đạo đức, lối sống cho học sinh; có kỹ năng tư vấn học đường để góp phần giáo dục tích cực cho từng cá nhân, nâng cao kỹ năng sống, thái độ sống đem đến sự tự tin cho người học trong học tập và các hoạt động

1.5.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PLO13: Có đạo đức chuẩn mực của người giáo viên, gương mẫu trong công tác; yêu nước, trung thực, nhân ái, yêu học sinh, yêu nghề và có trách nhiệm với nghề, với xã hội; hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở trường phổ thông.

+ PLO14: Có năng lực tự chủ, tự học và tự nghiên cứu; có năng lực làm việc độc lập và hợp tác làm việc theo nhóm phù hợp với hoàn cảnh và tình huống thực tiễn, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; có tinh thần hội nhập và ý thức công dân toàn cầu.

Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	x	x	x											
PO2			x	x	x	x	x	x		x	x			
PO3				x	x	x	x	x		x	x			
PO4									x		x			x
PO5								x		x	x	x		
PO6												x	x	
PO7						x								x

1.6. Phương pháp giảng dạy - học tập và phương pháp đánh giá

1.6.1. Phương pháp giảng dạy - học tập

1.6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

+ Giảng viên nghiên cứu mục tiêu đào tạo của chương trình, khung chương trình, học phần để xác lập mục tiêu, lựa chọn nội dung, phương pháp để tổ chức dạy học đạt hiệu quả cao.

+ Giảng viên chuẩn bị đầy đủ: tập bài giảng và trang thiết bị cần thiết phục vụ giảng dạy. Tập bài giảng phải thể hiện rõ được mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện, kỹ năng, trình tự, nội dung giảng dạy. Mục tiêu của mỗi tiết học, nội dung giảng dạy phải phù hợp với mục tiêu chung của học phần (khối kiến thức), chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp với chương trình đào tạo. Nội dung kiến thức trong tập bài giảng phải thống nhất với nội dung kiến thức của

đề cương chi tiết bài giảng đã được thông qua tại Hội đồng Khoa và được Hiệu trưởng phê duyệt. Nội dung học tập phải gắn với mục tiêu giảng dạy và chương trình đào tạo.

+ Phương pháp giảng dạy được sử dụng phải phù hợp với nội dung kiến thức cần truyền đạt và phù hợp với đối tượng người học, kết hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau trong một học phần.

1.6.1.2. Các phương pháp giảng dạy - học tập

Các phương pháp giảng dạy - học tập được sử dụng trong chương trình đào tạo như sau:

- Phương pháp dạy học trực tiếp

Các phương pháp giảng dạy trực tiếp gồm:

1. *Thuyết giảng (Lecture)*
2. *Tham luận (Guest lecture)*
3. *Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)*

- Phương pháp dạy học gián tiếp

Các phương pháp giảng dạy gián tiếp gồm:

1. Câu hỏi gợi mở (Inquiry)
2. Giải quyết vấn đề (Problem Solving)
3. Học theo tình huống (Case Study)

- Học trải nghiệm

Các phương pháp dạy học trải nghiệm gồm:

1. Thực tế, thực tập (Teaching Practicum)
2. Mô hình (Models)

- Dạy học tương tác

Các phương pháp dạy học tương tác gồm:

1. *Thảo luận (Discussion)*
2. *Học nhóm (Peer Learning)*
3. *Tranh luận (Debates)*

- *Tự học*

Phương pháp tự học chủ yếu là làm *bài tập ở nhà* (Work Assignment).

Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập

[illegible]

4. Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5. Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6. Học theo tình huống			x	x	x	x		x		x		x		x
III. Học trải nghiệm														
7. Thực tế, thực tập			x	x	x	x		x		x	x	x	x	x
8. Mô hình				x		x		x	x		x	x		
IV. Dạy học tương tác														
9. Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
10. Học nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
11. Tranh luận	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	
V. Tự học														
12. Bài tập ở nhà			x	x	x	x	x		x	x	x			x

1.6.1.3. Cải tiến nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được định kỳ rà soát định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh cho tốt hơn, và có tham khảo ý kiến của các bên liên quan;
- Mỗi học kỳ, các bộ môn và Khoa tổ chức nhiều buổi seminar để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy, nâng cao năng lực của GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của SV về phẩm chất, năng lực, tâm đức, trách nhiệm của GV trong quá trình dạy học.

1.6.2. Phương pháp đánh giá

1.6.2.1. Thang điểm đánh giá

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

- Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết kết quả học tập của sinh viên.

Bảng hệ thống thang điểm

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
Đạt	Từ 9.5 đến 10	A+	4.0
	Từ 8.5 đến 9.4	A	4.0
	Từ 8.0 đến 8.4	B+	3.5
	Từ 7.0 đến 7.9	B	3.0
	Từ 6.5 đến 6.9	C+	2.5
	Từ 5.5 đến 6.4	C	2
	Từ 5.0 đến 5.4	D+	1.5
	Từ 4.0 đến 4.9	D	1
Không đạt	Nhỏ hơn 4.0	F	0

1.6.2.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

a. Học phân lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Quá trình học tập	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	30% hoặc 40% hoặc 50%
		Thời gian tham dự buổi học bắt buộc. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng * <i>Bài tập về nhà</i> : Bài làm đúng và đầy đủ. * <i>Bài tập tại lớp</i> : Bài làm đúng, thể hiện được quan điểm cá nhân * <i>Bài thuyết trình</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt. * <i>Bài kiểm tra viết</i> : Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. * <i>Thảo luận, hoạt động nhóm</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, sôi nổi, thể hiện được quan điểm cá nhân.	
2	Thi kết thúc học phần	* <i>Bài thi viết</i> : Bài làm đúng, căn cứ vào đáp án để đánh giá. * <i>Bài thuyết trình</i> : Mức độ chuẩn bị, nội dung thông tin, kỹ năng truyền đạt. * <i>Bài thi vấn đáp</i> : Bài làm đúng, nội dung kiến thức, kỹ năng truyền đạt, thể hiện được quan điểm cá nhân.	70% hoặc 60% hoặc 50%

b. Học phần thí nghiệm - thực hành

c. Học phần đồ án môn học

d. Học phần khóa luận/đồ án tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1487/QĐ-ĐHQN ngày 01/7/2021 của Trường Đại học Quy Nhơn.

1.6.2.3. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo ngành Lịch sử được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Đánh giá tiến trình														
1. Đánh giá	x	x	x	x	x	x		x		x	x		x	x

chuyên cần														
2. Đánh giá bài tập	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x			x
3. Đánh giá thuyết trình			x	x	x		x		x	x	x			
II. Đánh giá tổng kết														
4. Kiểm tra viết	x	x	x	x	x	x			x	x	x			
5. Kiểm tra trắc nghiệm	x	x	x	x						x	x	x		
6. Thi vấn đáp				x		x		x		x	x			
7. Báo cáo				x		x		x	x	x	x		x	
8. Đánh giá thuyết trình						x		x		x	x	x		
9. Đánh giá làm việc nhóm			x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

2. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

2.1. Cấu trúc chương trình dạy học

STT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Tự chọn
1.	Khối kiến thức giáo dục đại cương	24	
1.1.	Khoa học chính trị và pháp luật	13	
1.2.	Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - AN	12	
1.3.	Ngoại ngữ	7	
1.4.	Khởi nghiệp, kỹ năng giao tiếp	4	
2.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	108	6
2.1.	Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành	32	
2.2.	Khối kiến thức ngành và chuyên ngành	41	4
2.3.	Khối kiến thức bổ trợ	29	2
2.4.	Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế	6	
Tổng:		[132]	[06]
		[138]	

- *Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 35 học phần (kể các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục QP- AN*

Khối kiến thức đại cương giúp người học có kiến thức cơ bản nền tảng về khoa học chính trị và pháp luật, tư tưởng Hồ Chí Minh để rèn luyện phẩm chất chính trị cho người giáo viên

tương lai. Trong khối kiến thức này, SV còn được trang bị tiếng Anh nhằm đáp ứng yêu cầu Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, làm cơ sở để SV mở rộng vốn kiến thức, văn hóa trong học tập, nghiên cứu và cuộc sống. Bên cạnh đó, SV còn được trang bị các kiến thức về giao tiếp, khởi nghiệp để sinh viên sau khi ra trường có thể thích ứng với sự thay đổi của nghề nghiệp, để nắm bắt được các cơ hội việc làm. Đồng thời, trong khối kiến thức này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh để chăm sóc sức khỏe cá nhân, cộng đồng và bảo vệ Tổ quốc.

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm 55 học phần:

+ *Khối kiến thức cơ sở ngành và khối ngành (13 học phần)* giúp người học có kiến thức cơ sở ngành Sư phạm Lịch sử về: Tin học cơ sở; Tâm lý học; Giáo dục học; Cơ sở khảo cổ học; Cơ sở văn hóa Việt Nam; Lịch sử văn minh thế giới; Nhân học đại cương; Nhập môn quan hệ quốc tế; Những mô hình xã hội cổ đại; Thể chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới; Văn minh Văn Lang - Âu Lạc và văn minh Đại Việt; Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam; Lịch sử ngoại giao Việt Nam. Đây là khối kiến thức nền tảng để sinh viên có thể vận dụng trong quá trình học tập và giảng dạy sau khi tốt nghiệp.

+ *Khối kiến thức ngành và chuyên ngành (23 học phần, trong đó có 02 học phần tự chọn)* giúp cho người học có những kiến thức vững chắc và chuyên sâu về Lịch sử; vận dụng được những kiến thức ngành, chuyên ngành Lịch sử để tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng trong lĩnh vực chuyên môn; khai thác, phát triển được học liệu phục vụ cho hoạt động học tập và nghiên cứu; có những hiểu biết căn bản và có khả năng vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc liên quan đến lĩnh vực Lịch sử; có kỹ năng tốt về thuyết trình; có tư duy phản biện và có lập luận, giải quyết các vấn đề liên quan đến Lịch sử; có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

+ *Khối kiến thức bổ trợ (13 học phần, trong đó có 01 học phần tự chọn)* giúp cho người học hiểu được các kiến thức về lí luận và phương pháp dạy học Lịch sử ở trường phổ thông; dạy học theo hướng tích hợp và phân hóa, các hoạt động trải nghiệm, kiểm tra và đánh giá trong dạy học môn Lịch sử... để người học có đủ năng lực nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu đổi mới dạy học ở nhà trường phổ thông. Vận dụng và phân tích được các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực Lịch sử; có kỹ năng giao tiếp sư phạm; có kỹ năng xử lý tốt các tình huống dạy học, giáo dục; có kỹ năng tốt trong việc truyền đạt, chuyển tải kiến thức đến người khác. Vận dụng được kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc; có tư duy phản biện và sử dụng những giải pháp thay thế trong công việc; có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến Lịch sử; có khả năng đánh giá được chất lượng công việc và tự đưa ra kết luận chuyên môn, nghề nghiệp; có năng lực lập kế hoạch, phát huy trí tuệ tập thể; có đạo đức nghề nghiệp.

+ *Thực tập sư phạm, khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế tốt nghiệp (06 học phần)* giúp cho người học trải nghiệm thực tế dạy học Lịch sử ở trường phổ thông, hoàn thành các nội dung học tập cuối khóa bằng khóa luận hay các chuyên đề thay thế liên quan đến ngành học.

2.2. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

[illegible]

2.3. Danh sách các học phần

[illegible]

07	1120172	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
08	1120173	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá 2)	2	1	4			26		21	1120172	GDTC-QP	
09	1120174	Giáo dục thể chất 3 (Bóng đá 3)	3	1	4			26		21	1120173	GDTC-QP	
10	1120175	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
11	1120176	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)	2	1	4			26		21	1120175	GDTC-QP	
12	1120177	Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)	3	1	4			26		21	1120176	GDTC-QP	
13	1120178	Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
14	1120179	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)	2	1	4			26		21	1120178	GDTC-QP	
15	1120180	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)	3	1	4			26		21	1120179	GDTC-QP	
16	1120181	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
17	1120182	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)	2	1	4			26		21	1120181	GDTC-QP	
18	1120183	Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)	3	1	4			26		21	1120182	GDTC-QP	
19	1120184	Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
20	1120185	Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)	2	1	4			26		21	1120184	GDTC-QP	
21	1120186	Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)	3	1	4			26		21	1120185	GDTC-QP	
22	1120187	Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
23	1120188	Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)	2	1	4			26		21	1120187	GDTC-QP	
24	1120189	Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)	3	1	4			26		21	1120188	GDTC-QP	
25	1120190	Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)	1	1	4			26		21		GDTC-QP	
26	1120191	Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)	2	1	4			26		21	1120190	GDTC-QP	
27	1120192	Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)	3	1	4			26		21	1120191	GDTC-QP	
Giáo dục quốc phòng-AN			9										
28	1120168	Giáo dục quốc phòng-An ninh 1	5	3	37		8			82		GDTC-QP	
29	1120169	Giáo dục quốc phòng-An ninh 2	5	2	22		8			52		GDTC-QP	
30	1120170	Giáo dục quốc phòng-An ninh 3	5	2	14			16		44		GDTC-QP	
31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	5	2	4			56		36		GDTC-QP	
I.3. Ngoại ngữ			7										
32	1090061	Tiếng Anh 1	1	3	30	15				90		Ngoại ngữ	
33	1090166	Tiếng Anh 2	2	4	40	20				120	1090061	Ngoại ngữ	
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý			4										
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	2	2	18		4	20		60		KHXH&NV	
35	1150422	Khởi nghiệp	5	2	20	5	10			55		TCNH&QTKD	
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			114										

II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành				32									
36	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	1	3	30			30		75		CNTT	
37	1100086	Tâm lý học	2	3	30	10	10			85	1130299	KHXXH&NV	
38	1100026	Giáo dục học	3	4	40	15	10			120	1100086	KHXXH&NV	
39	1070019	Cơ sở khảo cổ học	1	2	26		08			56		KHXXH&NV	
40	1070020	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2	26		08			56		KHXXH&NV	
41	1070052	Lịch sử văn minh thế giới	3	2	26		08			56	1070045	KHXXH&NV	
42	1070081	Nhân học đại cương	3	2	26		08			56	1070045	KHXXH&NV	
43	1070085	Nhập môn quan hệ quốc tế	4	2	26		08			56	1070052	KHXXH&NV	
44	1070090	Những mô hình xã hội cổ đại	5	2	26		08			56	1070045	KHXXH&NV	
45	1070154	Thế chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới	6	3	39		12			84	1070049	KHXXH&NV	
46	1070073	Văn minh Văn Lang - Âu Lạc và văn minh Đại Việt	4	2	26		08			56	1070058	KHXXH&NV	
47	2030090	Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	4	2	26		08			56	1070058	KHXXH&NV	
48	1070158	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	6	3	39		12			84	1070062	KHXXH&NV	
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)				45									
II.2.1. Kiến thức ngành				45									
II.2.1a. Phần bắt buộc				41									
49	1070045	Lịch sử thế giới cổ-trung đại 1	1	2	26		08			56		KHXXH&NV	
50	1070046	Lịch sử thế giới cổ-trung đại 2	2	2	26		08			56	1070045	KHXXH&NV	
51	1070043	Lịch sử thế giới cận đại 1	3	2	26		08			56	1070046	KHXXH&NV	
52	1070044	Lịch sử thế giới cận đại 2	3	2	26		08			56	1070046	KHXXH&NV	
53	1070048	Lịch sử thế giới hiện đại 1	4	2	26		08			56	1070044	KHXXH&NV	
54	1070049	Lịch sử thế giới hiện đại 2	4	2	26		08			56	1070044	KHXXH&NV	
55	1070058	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 1	1	2	26		08			56		KHXXH&NV	
56	2030181	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 2	2	2	26		08			56	1070058	KHXXH&NV	
57	1070056	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	3	2	26		08			56	1070059	KHXXH&NV	
58	1070057	Lịch sử Việt Nam cận đại 2	3	2	26		08			56	1070059	KHXXH&NV	
59	1070061	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	4	2	26		08			56	1070057	KHXXH&NV	
60	1070062	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	4	2	26		08			56	1070057	KHXXH&NV	

61	1070015	Chủ nghĩa tư bản hiện đại và chủ nghĩa xã hội hiện thực	7	2	26		08			56	1070049	KHXXH&NV	
62	1070152	Những cuộc cải cách trong lịch sử thế giới	7	3	39		12			84	1070049	KHXXH&NV	
63	2030097	Lịch sử khu vực Đông Nam Á	7	3	39		12			84	1070049	KHXXH&NV	
64	2030094	Cơ cấu xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945)	6	2	26		08			56	1070057	KHXXH&NV	
65	2030098	Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975)	7	2	26		08			56	1070062	KHXXH&NV	
66	2030091	Lịch sử kinh tế Việt Nam	5	2	26		08			56	1070062	KHXXH&NV	
67	1070157	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	5	3	39		12			84	1070059	KHXXH&NV	
II.2.1b. Phần tự chọn			4										
Chọn 01 trong 02 học phần			2										
68	2030092	Lịch sử Trung Cận Đông và Bắc Phi	5	2	26		08			56	1070049	KHXXH&NV	
69	2030093	Phong trào giải phóng dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh	5	2	26		08			56	1070049	KHXXH&NV	
Chọn 01 trong 02 học phần			2										
70	2030095	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam	6	2	26		08			56	1070062	KHXXH&NV	
71	2030096	Cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam	6	2	26		08			56	1070062	KHXXH&NV	
II.3. Kiến thức bổ trợ			31										
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp			23										
III.3.1a. Phần bắt buộc			21										
72	2010070	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử địa phương	5	2	20		20			56	1070086	Sư phạm	
73	1070086	Nhập môn Sử học	1	2	26		08			56		Sư phạm	
74	1070102	Phương pháp luận Sử học	5	2	26		08			54	1070086	Sư phạm	
75	1070164	Phương pháp dạy học Lịch sử 1	4	3	36		18			81	1100026	Sư phạm	
76	1070165	Phương pháp dạy học Lịch sử 2	5	2	24		12			54	1070164	Sư phạm	
77	1070166	Phương pháp dạy học	6	2	24		12			54	1070165	Sư phạm	

		Lịch sử 3											
78	1070169	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử	6	2	24			12		54	1070165	Sư phạm	
79	2010073	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử	7	2	24			12		54	1070166	Sư phạm	
80	2010072	Rèn luyện nghiệp vụ SP 1	6	2				60		30	1070165	Sư phạm	
81	107 0255	Rèn luyện nghiệp vụ SP 2	7	2				60		30	2010072	Sư phạm	
III.3.1b. Phần tự chọn				2									
Chọn 1 trong 2 học phần				2									
82	2010074	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học Lịch sử	7	2	24			12		54	1070166	Sư phạm	
83	1070168	Kênh hình trong dạy học Lịch sử	7	2	24			12		54	1070166	Sư phạm	
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp				8									
84	1070119	Thực tập sư phạm 1	7	1				TT		2010072	Sư phạm		
85	1070120	Thực tập sư phạm 2	8	5				TT		1070119	Sư phạm		
86	2010071	Thực tế chuyên môn	6	2				TT		1070086	Sư phạm		
II.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế				6									
87	2010075	Khóa luận tốt nghiệp	8	6				KL				Sư phạm	
Học phần thay thế				6									
88	1070171	Một số vấn đề cơ bản về lịch sử thế giới	8	2	26		8			60	1070049	KHXXH&NV	
89	1070172	Sự lựa chọn con đường cứu nước và phát triển xã hội ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nay	8	2	26		8			60	1070062	KHXXH&NV	
90	2010076	Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử	8	2	20		20			60	1070166	Sư phạm	
Tổng cộng:				138									

2.4. Sơ đồ chương trình giảng dạy

2.5. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo PLOs

TT	Mã học phần	Tên học phần	PLOs													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương																
I.1. Khoa học chính trị và pháp luật																
01	1130299	Triết học Mác - Lênin	H	M	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	M	M
02	1130300	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	H	L	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	M	M
03	1130049	Pháp luật đại cương	H	H	-	-	-	-	-	M	-	-	-	-	M	M

31	1120171	Giáo dục quốc phòng-An ninh 4	H	M	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	L	M
I.3. Ngoại ngữ																
32	1090061	Tiếng Anh 1	-	L	-	L	-	-	-	L	M	-	-	-	M	M
33	1090166	Tiếng Anh 2	-	M	-	M	-	-	-	M	H	-	-	-	M	M
I.4. KHXH/Toán, KHTN - Môi trường, KH quản lý																
34	2030003	Kỹ năng giao tiếp	M	H	-	-	-	-	M	H	L	-	-	M	M	M
35	1150422	Khởi nghiệp	M	H	-	-	-	-	M	H	L	-	-	M	M	M
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
II.1. Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành																
36	1050242	Tin học cơ sở (Sư phạm)	M	M	-	-	-	-	-	L	M	-	-	-	-	M
37	1100086	Tâm lý học	M	M	-	-	-	L	M	M	-	-	-	M	M	M
38	1100026	Giáo dục học	M	M	-	-	-	L	M	M	-	M	-	M	M	M
39	1070019	Cơ sở khảo cổ học	-	-	M	M	H	H	-	H	-	H	-	H	-	H
40	1070020	Cơ sở văn hóa Việt Nam	-	-	M	M	M	M	M	M	-	M	-	-	-	M
41	1070052	Lịch sử văn minh thế giới	-	-	M	M	-	-	-	-	M	-	-	M	M	-
42	1070081	Nhân học đại cương	-	-	M	M	-	H	H	H	-	H	H	-	H	H
43	1070085	Nhập môn quan hệ quốc tế	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	-	M	M
44	1070090	Những mô hình xã hội cổ đại	-	-	M	M	M	-	M	-	-	M	-	M	-	-
45	1070154	Thế chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới	-	-	M	M	-	-	-	-	M	-	M	M	-	-
46	1070073	Văn minh Văn Lang - Âu Lạc và văn minh Đại Việt	-	-	M	M	M	M	-	M	M	M	M	-	H	H
47	2030090	Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	-	M	-	-	M	M
48	1070158	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	-	-	M	L	L	L	L	M	-	M	H	-	H	H
II.2. Kiến thức ngành, chuyên ngành (nếu có)																
II.2.1. Kiến thức ngành																
II.2.1a. Phần bắt buộc																
49	1070045	Lịch sử thế giới cổ-trung đại 1	-	-	M	M	M	M	M	M	-	M	-	-	-	M
50	1070046	Lịch sử thế giới cổ-trung đại 2	-	-	L	L	M	-	-	M	-	M	M	M	M	M
51	1070043	Lịch sử thế giới cận đại 1	-	-	M	M	M	-	-	M	-	M	M	M	M	M
52	1070044	Lịch sử thế giới cận đại 2	-	-	M	M	M	M	M	M	-	M	M	M	M	M

53	1070048	Lịch sử thế giới hiện đại 1	-	-	M	M	M	M	M	M	-	-	-	-	-	-
54	1070049	Lịch sử thế giới hiện đại 2	-	-	M	L	L	L	L	M	-	M	M	-	H	H
55	1070058	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 1	-	-	M	L	L	L	L	M	-	M	M	-	H	H
56	10 0059	Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 2	-	-	M	M	M	M	-	-	M	-	-	-	M	M
57	1070056	Lịch sử Việt Nam cận đại 1	-	-	M	L	M	M	-	M	M	M	M	-	H	H
58	1070057	Lịch sử Việt Nam cận đại 2	-	-	M	M	M	M	M	H	-	H	H	-	H	H
59	1070061	Lịch sử Việt Nam hiện đại 1	-	-	M	M	M	M	-	M	M	M	M	-	H	H
60	1070062	Lịch sử Việt Nam hiện đại 2	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	-	M	M
61	1070015	Chủ nghĩa tư bản hiện đại và chủ nghĩa xã hội hiện thực	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
62	1070152	Những cuộc cải cách trong lịch sử thế giới	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
63	2030097	Lịch sử khu vực Đông Nam Á	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
64	2030094	Cơ cấu xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945)	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
65	2030098	Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975)	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
66	2030091	Lịch sử kinh tế Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
67	1070157	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
<i>II.2.1b. Phần tự chọn</i>																
<i>Lịch sử thế giới: chọn 01 trong 02 học phần</i>																
68	2030092	Lịch sử Trung Cận Đông và Bắc Phi	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	M	H	H
69	2030093	Phong trào giải phóng dân tộc Á, Phi, Mỹ Latinh	-	-	M	M	M	-	-	-	-	M	-	M	H	H
<i>Lịch sử Việt Nam: chọn 01 trong 02 học phần</i>																
70	2030095	Mặt trận dân tộc thống nhất trong cách mạng Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H
71	2030096	Cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H	H

II.3. Kiến thức bổ trợ															
II.3.1. Đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp															
II.3.1a. Phần bắt buộc															
72	2010070	Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy Lịch sử địa phương	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H
73	1070086	Nhập môn Sử học	-	-	M	M	M	M	-	-	M	M	H	-	H
74	1070102	Phương pháp luận Sử học	-	-	M	H	-	H	H	H	H	H	H	-	H
75	1070164	Phương pháp dạy học Lịch sử 1	-	-	M	H	H	H	H	H	H	H	H	-	H
76	1070165	Phương pháp dạy học Lịch sử 2	-	-	M	M	M	H	H	-	H	H	H	H	H
77	1070166	Phương pháp dạy học Lịch sử 3	-	-	M	M	M	H	H	-	H	H	H	-	H
78	2010071	Thực tế chuyên môn	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H
79	1070169	Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H
80	2010073	Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H
81	2010072	Rèn luyện nghiệp vụ SP 1	-	-	M	H	-	H	H	-	H	H	H	H	H
82	107 0255	Rèn luyện nghiệp vụ SP 2	-	-	M	L	L	L	-	H	-	H	H	-	H
II.3.1b. Phần tự chọn: chọn 01 trong 02 học phần															
83	2010074	Phương tiện kỹ thuật trong dạy học Lịch sử	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H
84	1070168	Kênh hình trong dạy học Lịch sử	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H
II.3.2. Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp															
85	1070119	Thực tập sư phạm 1	-	-	M	H	H	-	H	H	H	H	H	H	H
86	1070120	Thực tập sư phạm 2	-	-	M	H	H	H	H	M	M	M	M	M	M
III.4. Khóa luận tốt nghiệp, học phần thay thế															
87	2010075	Khóa luận tốt nghiệp	-	-	M	M	H	H	H	L	H	H	M	M	M
Học phần thay thế															
88	1070171	Một số vấn đề cơ bản về lịch sử thế giới	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H
89	1070172	Sự lựa chọn con đường cứu nước và phát triển xã hội ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nay	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H
90	2010076	Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch	-	-	M	H	H	H	H	-	H	H	H	H	H

		sử																	
Tổng cộng: 138																			

Chú thích: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao

2.6. Mô tả tóm tắt các học phần

2.6.1. [1130299], [Triết học Mác Lênin], [3TC]

Khái quát hóa kiến thức về những vấn đề lý luận chung về triết học nói chung và triết học Mác– Lênin nói riêng, giới thiệu về lịch sử, điều kiện hình thành, những nội dung và vai trò chủ yếu của Triết học Mác – Lênin. Đặc biệt là các vấn đề về thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng hợp lý, đồng thời đặt ra yêu cầu vận dụng được thế giới quan duy vật vào việc giải quyết các vấn đề lịch sử - xã hội trong CN duy vật lịch sử. Trên cơ sở đó trang bị thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật cho hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của con người.

2.6.2. [1130300], [Kinh tế chính trị Mác-Lênin], [2]

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

2.6.3. [1130049], [Pháp luật đại cương], [2]

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nói riêng. Thông qua việc nghiên cứu Học phần, người học có nhận thức, quan điểm đúng đắn về đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có những kiến thức cơ bản về Hệ thống pháp luật Việt Nam và hình thành kỹ năng tuân thủ, thi hành, sử dụng pháp luật, vận dụng pháp luật vào thực tiễn cuộc sống.

2.6.4. [1130301], [Chủ nghĩa xã hội khoa học], [2]

Nội dung môn học gồm 7 chương trong đó Chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH như quá trình hình thành và phát triển của CNXHKKH; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH. Từ Chương 2 đến Chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH như Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên CNXH, Dân chủ

XHCN và Nhà nước XHCN, Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH, Vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình...trong TKQĐ lên CNXH.

Cũng như Triết học và kinh tế chính trị học Mác- Lênin, nghiên cứu, CNXHKKH không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là cải tạo thế giới theo quy luật của tự nhiên, phù hợp với tiến bộ, văn minh. Nghiên cứu, học tập CNXHKKH có ý nghĩa quan trọng, trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội CSCN, giải phóng con người, giải phóng xã hội... Từ đó sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta.

2.6.5. [1130302], [Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam], [2]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đó là: Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (sau 1975).

2.6.6. [1130091], [Tư tưởng Hồ Chí Minh], [2]

Học phần gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người. Đồng thời, chỉ ra sự vận dụng những nội dung đó của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa, cũng như nêu ra những giá trị lý luận và thực tiễn của tư tưởng Hồ Chí Minh.

2.6.7. [1120172], [Giáo dục thể chất 1- bóng đá 1], [1tc]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng đùi, đá bóng bằng lòng bàn chân, má trong bàn chân, kỹ thuật dẫn bóng, phương pháp rèn luyện các tổ chức thể lực, một số điều luật của Bóng đá 5 người.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tổ chức thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

- Học phần góp phần đào tạo thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.8. [1120173], [Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá 2], [1tc]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật tăng bóng bằng mu chính diện, sút bóng bằng mu chính diện, sút bóng má trong bàn chân, kỹ thuật

dẫn bóng, một số điều luật của Bóng đá 7 người, phương pháp phòng ngừa chấn thương trong tập luyện thể dục thể thao.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

- Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.9.[1120174], [Giáo dục thể chất 3 -Bóng đá 3], [1tc]

- Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về: Nguyên lý kỹ thuật đánh đầu bằng trán giữa, kỹ thuật ném biên, ôn tập các kỹ thuật đã học ở những học phần trước như các kỹ thuật sút bóng, dẫn bóng, tâng bóng..., một số điều luật của Bóng đá 11 người, Lịch sử phát triển bóng đá của thế giới và Việt Nam.

- Bồi dưỡng những phẩm chất, ý chí trong tập luyện và thi đấu; Nâng cao sức khỏe và phát triển các tố chất thể lực; tăng cường tình hữu nghị, đoàn kết trong tập thể.

- Học phần góp phần đào tạo thể hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất và năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực. Có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn luôn thay đổi của xã hội.

2.6.10. [1120175] , [Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền 1)], [1]

Khái quát lịch sử phát triển, đặc điểm, tác dụng, luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện TDTT. Trang bị cho sinh viên kỹ thuật di chuyển, đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, một số điều luật và phương pháp trọng tài bóng chuyền.

2.6.11. [1120176] , [Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền 2)], [1]

Giới thiệu Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nguyên tắc về phương pháp tập luyện bóng chuyền, cách phòng ngừa và sơ cứu chấn thương trong tập luyện Bóng chuyền. Một số bài tập bổ trợ cho môn học. Nâng cao kỹ thuật đệm bóng [chuyền bóng thấp tay], chuyền bóng cao tay trước mặt, phát bóng cao tay và thấp tay, kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.

2.6.12. [1120177] , [Giáo dục thể chất 3 (Bóng chuyền 3)], [1]

Học phần trang bị cho sinh viên nắm được những điều luật thi đấu, phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài và phương pháp tập luyện môn bóng chuyền. Nâng cao các kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật chuyền bóng cao tay, kỹ thuật phát bóng, kỹ thuật đập bóng. Các kỹ thuật chắn bóng, kỹ thuật phòng thủ, chiến thuật tấn công và chiến thuật phòng thủ, đội hình thi đấu và thi đấu ứng dụng.

2.6.13. [1120178] , [Giáo dục thể chất 1 (Bóng rổ 1)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con

người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.14. [1120179] , [Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ 2)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ.

2.6.15. [1120180] , [Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ 3)], [1]

Bóng rổ là môn thể thao có tác dụng tăng cường sức khỏe, phát triển thể chất con người toàn diện cả về trí lực và thể lực. Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong môn bóng rổ, hình thành biểu tượng một số động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ. Kết thúc học phần sinh viên có khả năng thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ, có thể vận dụng vào trong thi đấu.

2.6.16. [1120181] , [Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông 1)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.17. [1120182] , [Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông 2)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật cơ bản nhất trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

+ Thực hiện đúng các kỹ thuật cơ bản khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

+ Nắm vững và hiểu được cách tính điểm và một số lỗi khi tham gia tập luyện môn cầu lông.

2.6.18. [1120183] , [Giáo dục thể chất 3 (Cầu lông 3)], [1]

Học phần này giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông nhằm ứng dụng vào thực tiễn tập luyện thể thao nâng cao sức khỏe và đạt hiệu quả trong công tác giáo dục thể chất trong trường học.

Thực hiện đúng các kỹ thuật nâng cao khi tham gia tập luyện môn cầu lông nhằm rèn luyện thể chất.

2.6.19. [1120184] , [Giáo dục thể chất 1 (Võ cổ truyền Việt Nam 1)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung, kỹ năng thực hành võ đạo và võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật đặc trưng, căn bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ thuật căn bản công tay không, đấu luyện tự vệ và từng bước làm quen, tiếp thu trong tập luyện, thi đấu thể thao trong phân môn Quyền nhằm hoàn thiện thể chất và phát triển thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, tính tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.20. [1120185] , [Giáo dục thể chất 2 (Võ cổ truyền Việt Nam 2)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành võ thuật thuần thực căn bản, gồm: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản thuần thực, chính xác. Nắm vững kỹ thuật đấu luyện tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt Nam trong tập luyện, thi đấu Quyền và Đối kháng nhằm phát triển thể lực toàn diện và nâng cao thành tích học tập.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm, đoàn kết, làm việc nhóm, tính tập thể, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.21. [1120186] , [Giáo dục thể chất 3 (Võ cổ truyền Việt Nam 3)], [1]

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành võ thuật cơ bản: Thực hiện được một số động tác kỹ thuật cơ bản của Võ cổ truyền Việt Nam ở mức độ cơ bản, chính xác. Nắm vững kỹ- chiến thuật cơ bản tự vệ và vận dụng đúng đắn luật thi đấu Võ cổ truyền Việt nam trong tập luyện, thi đấu Quyền thuật và thi đấu Đối kháng nhằm phát triển thành tích chuyên môn và hoàn thiện thể chất.

- Giáo dục, giáo dưỡng những phẩm chất đạo đức, nhân cách tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, tập thể, làm việc nhóm, lòng dũng cảm, yêu nước, tinh thần dân tộc.

2.6.22. [1120187] , [Giáo dục thể chất 1 (Võ Taekwondo 1)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.23. [11201878] , [Giáo dục thể chất 2 (Võ Taekwondo 2)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.24. [1120189] , [Giáo dục thể chất 3 (Võ Taekwondo 3)], [1]

Taekwondo là môn võ xuất phát từ Triều Tiên, là môn võ thuật bao gồm những kỹ thuật như: đấm (Jieugi), đá (Chagi), đỡ (Makki)...

Chương trình huấn luyện môn võ này nhấn mạnh vào tinh thần và thể chất, tuy nhiên điểm then chốt của môn Taekwondo là sự khai triển tính đạo đức. Học phần này bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Lịch sử phát triển Taekwondo
- Phân tích các kỹ thuật Taekwondo
- Luật thi đấu Taekwondo
- Kỹ thuật tấn pháp, kỹ thuật phòng thủ, kỹ thuật tấn công
- Kỹ thuật đối luyện
- Kỹ thuật quyền

2.6.25. [1120190] , [Giáo dục thể chất 1 (Võ Karatedo 1)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người

2.6.26. [11201891] , [Giáo dục thể chất 2 (Võ Karatedo 2)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập pháp triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.27. [1120192] , [Giáo dục thể chất 3 (Võ Karatedo 3)], [1]

Môn võ Karatedo là một trong những môn thể thao có vị trí quan trọng trong hệ

thống giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao, là một trong những môn học chính của sinh viên các trường Đại học. Tập luyện và thi đấu karate do sẽ giúp người tập phát triển người tập phát triển toàn diện về mọi mặt, tăng cường thể chất, phát triển toàn diện tố chất thể lực, ngoài ra còn được rèn luyện tu dưỡng về tinh thần, phẩm chất đạo đức và nhân cách con người.

2.6.28. [1120168] , [Giáo dục quốc phòng - An ninh 1)], [3]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.29. [1120169] , [Giáo dục quốc phòng - An ninh 2)], [2]

Học phần đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quốc phòng và an ninh, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh. Học phần giành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.

2.6.30. [1120170] , [Giáo dục quốc phòng - An ninh 3)], [2]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về các quân, binh chủng trong quân đội, Hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự, hiểu được ý nghĩa điều lệnh đội ngũ và ý thức tổ chức kỷ luật góp phần nâng cao ý thức, tác phong học tập GDQP – AN và vận dụng tích cực trong sinh hoạt tập thể tại nhà trường. Biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Vận dụng 3 môn phối hợp một cách linh hoạt trong học tập và cuộc sống.

2.6.31. [1120171] , [Giáo dục quốc phòng - An ninh 4)], [2]

Học phần gồm có lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cách ngắm, bắn súng AK. Hiểu biết về một số loại lựu đạn, thực hành ném lựu đạn bài 1. Hiểu được vị trí của từng người trong chiến đấu tiến công, chiến đấu phòng ngự hoặc làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới).[2.6.32]. [1090061], [Tiếng Anh 1], [3]

2.6.32.[1090061], [Tiếng Anh 1], [3tc]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học ở trường phổ thông, trên cơ sở xem tiếng Anh là công cụ giao tiếp thông dụng, *Tiếng Anh 1*, học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cử nhân khối

không chuyên Anh ngữ, giúp sinh viên hệ thống lại và trang bị thêm cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp và những yếu tố văn hóa trong ngôn ngữ Anh, từ đó sử dụng tiếng Anh là phương tiện nghiên cứu chuyên ngành để phát triển chuyên môn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

2.6.33. [1090061], [Tiếng Anh 2], [4tc]

Với quan điểm kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh sinh viên đã học trong học phần *Tiếng Anh 1*, *Tiếng Anh 2* bổ sung các cấu trúc ngữ pháp đã học, mở rộng và so sánh các cấu trúc này với nhau, đồng thời trình bày rõ các điểm ngữ pháp quan trọng như *phrasal verbs*, *linking words* và *collocations*, v.v. và những chủ đề khó hơn như *âm nhạc và tính cách*, *phim ảnh*, *sự kiện quá khứ* và *trải nghiệm* với mục đích giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn. Đồng thời, học phần cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cũng như cảm giác tự tin trong giao tiếp.

2.6.34. [2030003], [Kỹ năng giao tiếp], [2]

Kỹ năng giao tiếp là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị những kiến thức chung về giao tiếp và rèn luyện những kỹ năng giao tiếp cơ bản cho sinh viên. Qua đó, giúp sinh viên vận dụng linh hoạt, hiệu quả các kỹ năng giao tiếp vào quá trình học tập và thực tiễn cuộc sống. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quá trình giao tiếp, góp phần hình thành văn hóa giao tiếp của cá nhân và xã hội.

2.6.35. [1150422], [Khởi nghiệp], [2]

Học phần Khởi nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức chung trong chương trình đào tạo của sinh viên đại học. Học phần Khởi nghiệp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về khởi nghiệp, giúp người học hiểu và xác định mục tiêu, sứ mệnh trong khởi nghiệp đúng đắn; giúp người học hình thành ý tưởng khởi nghiệp, phân tích và hoạch định con đường khởi nghiệp như lập kế hoạch khởi nghiệp hợp lý, tìm kiếm người hợp tác, đối tác triển khai thực hiện ý tưởng khởi nghiệp. Học phần trang bị cho người học những kỹ năng cần thiết để có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng khởi nghiệp, thực thi ý tưởng và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường; ngoài ra học phần còn nâng cao nhận thức và khơi dậy khát vọng khởi nghiệp của mỗi sinh viên.

2.6.36. [1050242], [Tin học cơ sở (Sư phạm)], [3]

Học phần cập nhật những kiến thức mới về Tin học trong thời đại công nghiệp 4.0, những kiến thức cơ bản về E-Learning, và các phần mềm phục vụ giảng dạy phổ biến. Qua đó sinh viên có thể hiểu và ứng dụng Tin học vào các hoạt động giảng dạy của

ngành mà sinh viên đang học.

2.6.37. [1100086], [Tâm lý học], [3]

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về khoa học tâm lý và tâm lý học lứa tuổi học sinh Trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề của thực tiễn dạy học và giáo dục.

2.6.38. [1100026], [Giáo dục học], [4]

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết toàn diện về nghề sư phạm và công việc của người giáo viên trong nhà trường. Từ đó, sinh viên xác định phương hướng rèn luyện phẩm chất, năng lực nghề nghiệp của bản thân. Nội dung học phần bao gồm:

- Nhóm tri thức và kỹ năng chung về khoa học giáo dục: trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về quá trình giáo dục tổng thể.

- Nhóm tri thức về quá trình dạy học: trang bị lý luận về hoạt động dạy học và các kỹ năng tổ chức quá trình dạy học.

- Nhóm tri thức về quá trình giáo dục: trang bị về và các kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Nhóm tri thức về quản lý trường học: trang bị nội dung khái quát về công tác quản lý nhà trường, người giáo viên chủ nhiệm, ... và các kỹ năng quản lý tập thể học sinh.

2.6.39. [1070019], [Cơ sở Khảo cổ học], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về khảo cổ học, mối quan hệ giữa khảo cổ học với các ngành khoa học khác; những hiểu biết về nguồn gốc loài người, những phát hiện về người cổ trên đất nước Việt Nam. Hiểu thêm về các phương pháp nghiên cứu khảo cổ (phương pháp điền dã và phương pháp nghiên cứu trong phòng thí nghiệm); những đặc trưng cơ bản và nội dung văn hóa của từng thời đại khảo cổ bao gồm: thời đại đồ đá, đồ đồng, đồ sắt trên thế giới và Việt Nam.

2.6.40. [1070020], [Cơ sở văn hóa Việt Nam], [2]

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp trong chương trình đào tạo trình độ đại học. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam với các thành tố cơ bản thể hiện trong văn hóa tổ chức đời sống tập thể và đời sống cá nhân, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội thông qua văn hóa ứng xử. Qua đó, giúp sinh viên hiểu rõ hơn về bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời biết vận dụng và phát huy những giá trị văn hóa trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay.

2.6.41. [1070052], [Lịch sử văn minh thế giới], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về cơ sở hình thành, quá trình

phát triển và thành tựu của những nền văn minh tiêu biểu ở phương Đông, phương Tây qua từng thời kỳ lịch sử. Trên cơ sở này, sinh viên bước đầu nhận biết các khái niệm cơ bản: văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, tiếp biến văn minh, va chạm văn minh. Từ đó giúp sinh viên nhận thức được nét đặc thù và tính phổ quát cũng như quy luật cơ bản phát triển của văn minh nhân loại.

2.6.42. [1070081], [Nhân học đại cương], [2]

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản liên quan đến cuộc sống con người như nguồn gốc loài người, các chủng tộc trên thế giới, văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, hệ thống thân tộc, các tổ chức hiệp hội xã hội... Nhân học xem xét tất cả các vấn đề đó tác động đến cuộc sống con người trong các xã hội khác nhau như thế nào. Những nội dung sẽ được tập trung nhấn mạnh trong học phần là: Những vấn đề chung của Nhân học; Các chủng tộc trên thế giới; Các thiết chế xã hội; Các tộc người ở Việt Nam và cộng đồng dân tộc Việt Nam.

2.6.43. [1070085], [Nhập môn Quan hệ quốc tế], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản: quan hệ quốc tế, hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, kiểu quan hệ quốc tế, chính sách ngoại giao, đường lối đối ngoại... và những kiến thức cơ bản về lý luận quan hệ quốc tế. Trên cơ sở đó, đi sâu khảo các mối quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc; các trào lưu chính trị - xã hội, các tổ chức quốc tế trong thời đại ngày nay, vai trò, vị thế, xu hướng vận động của từng chủ thể trong quan hệ quốc tế. Học phần còn giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh về hệ thống quan hệ quốc tế, trật tự quan hệ quốc tế, chủ thể quan hệ quốc tế, các kiểu quan hệ quốc tế qua các thời đại.

2.6.44. [1070090], [Những mô hình xã hội cổ đại], [2]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các mô hình xã hội thời cổ đại ở phương Đông và phương Tây. Làm rõ những cơ sở hình thành của các mô hình xã hội cổ đại; trình bày và phân tích những đặc trưng cơ bản của các mô hình xã hội cổ đại trong sự đối sánh với nhau trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa,... Trên cơ sở đó, học phần giúp làm rõ sự khác biệt của mô hình xã hội ở phương Đông và phương Tây thời cổ đại

2.6.45. [1070154], [Thể chế chính trị trong tiến trình lịch sử thế giới], [3]

Trên cơ sở cung cấp những hiểu biết cơ bản về khái niệm “thể chế chính trị” về cơ sở hình thành thể chế chính trị các nước trên thế giới của các chế độ xã hội: tiền tư bản, tư bản và xã hội chủ nghĩa, học phần hướng dẫn sinh viên đi sâu tìm hiểu các loại hình thể chế chính trị về tổ chức, đặc biệt là các hình thức nhà nước tiêu biểu của các chế độ xã hội từ xưa đến nay; chú trọng nhiều hơn các thể chế chính trị tư bản chủ nghĩa và các thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa. Qua đó, giúp sinh viên thấu hiểu hơn, tự hào hơn và tin yêu hơn thể chế chính trị ưu việt ở nước ta hiện nay.

2.6.46. [1070073], [Văn minh Văn Lang-Âu Lạc và văn minh Đại Việt], [2]

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành các nền văn hóa, văn minh của dân tộc thời kỳ cổ trung đại gồm các nền văn hóa, văn minh Văn Lang, Âu Lạc, Đại Việt; những thành tựu chính của các nền văn hóa, văn minh. Thông

qua đó giúp sinh viên nắm được những đặc điểm, giá trị văn hóa, văn minh mà các thế hệ người Việt đã góp sức tạo nên.

2.6.47. [2030090], [Lịch sử nghệ thuật truyền thống Việt Nam], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có hệ thống, khoa học về lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật truyền thống Việt Nam, những thành tựu cơ bản của nó gắn với từng loại hình nghệ thuật cụ thể. Qua đó, nhận diện được các yếu tố tác động đến sự hình thành, phát triển và đặc điểm nghệ thuật truyền thống Việt Nam; mối liên hệ, ảnh hưởng giữa các loại hình nghệ thuật truyền thống; giá trị văn hóa - thẩm mỹ,... Đồng thời, vận dụng kiến thức môn học vào nghiên cứu chuyên sâu về lịch sử, văn hóa nói chung và di sản văn hóa nói riêng của Việt Nam.

2.6.48. [1070158], [Lịch sử ngoại giao Việt Nam], [3]

Học phần giúp sinh viên nắm được quá trình hình thành và phát triển của ngoại giao Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử từ thời kỳ các vua Hùng dựng nước đến ngoại giao thời Bắc thuộc, ngoại giao thời phong kiến độc lập tự chủ (938 - 1858), ngoại giao thời Pháp thuộc (1858 - 1945), ngoại giao thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ (1945 - 1975) và ngoại giao thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội từ 1975 đến nay. Qua đó, nêu bật những bài học ngoại giao quý giá của ông cha ta trong lịch sử, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng; tạo niềm tin khoa học cho sinh viên về tài trí và hiệu quả trong hoạt động ngoại giao hội nhập hiện nay của Đảng và Nhà nước.

2.6.49. [1070045], [Lịch sử thế giới cổ - trung đại 1], [2]

Môn học làm rõ các khái niệm: Phương thức sản xuất, Xã hội nguyên thủy, Xã hội cổ đại...; giới thiệu một cách có hệ thống quá trình hình thành và phát triển của lịch sử nhân loại từ khi hình thành cho đến hết thời kỳ cổ đại, thông qua việc trình bày các quốc gia-khu vực theo trình tự thời gian: Xã hội nguyên thủy, các quốc gia cổ đại phương Đông, các quốc gia cổ đại phương Tây. Trong đó tập trung tìm hiểu những vấn đề: những diễn biến của tiến trình lịch sử, tình hình chính trị, kinh tế và xã hội. Thông qua đó nêu lên những đặc trưng của từng khu vực.

2.6.50. [1070046], [Lịch sử thế giới cổ - trung đại 2], [2]

Học phần làm rõ một số khái niệm như: Chế độ phong kiến, Chế độ TBCN... Trang bị một cách có hệ thống và logic những kiến thức cơ bản về quá trình xác lập chế độ phong kiến ở Tây Âu và châu Á; sự phát triển của chế độ phong kiến qua các thời kỳ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội; Làm rõ sự chuyển biến lớn về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tư tưởng ở Tây Âu, sự khủng hoảng của chế độ phong kiến và những tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa tư bản ở Tây Âu; Đi sâu phân tích tình hình, đặc điểm của một số quốc gia phong kiến điển hình ở châu Á, trên cơ sở làm rõ sự khác nhau giữa chế độ phong kiến ở Tây Âu và châu Á; Nêu lên những thành tựu văn hóa tiêu biểu mà loài người đạt được trong thời kỳ phong kiến.

2.6.51. [1070043], [Lịch sử thế giới cận đại 1], [2]

Trên cơ sở làm rõ các khái niệm liên quan, học phần cập nhật và cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cốt lõi về lịch sử thế giới cận đại trên ba lĩnh vực chính. Đối với *Cách mạng tư sản thời cận đại* tập trung làm rõ tiền đề, mục tiêu, nhiệm vụ, loại hình, kết quả và đặc điểm của nó. Đối với *Các nước Âu-Mỹ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX* tập trung làm rõ quá trình chuyển biến sang giai đoạn đế quốc của các nước tư bản: hoàn cảnh chuyển biến, đặc trưng kinh tế, địa vị lịch sử, đặc điểm các nước đế quốc. Đối với *Quan hệ quốc tế cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX – Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918)*, khảo sát mối quan hệ quốc tế phức tạp cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và nguyên nhân, diễn biến và hệ quả của Chiến tranh thế giới thứ nhất.

2.6.52. [1070044], [Lịch sử thế giới cận đại 2], [2]

Trên cơ sở làm rõ các khái niệm liên quan, học phần cập nhật và cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cốt lõi về lịch sử thế giới cận đại trên hai lĩnh vực chính. Đối với *Phong trào công nhân thời cận đại* tập trung làm rõ sự hình thành giai cấp vô sản, các phong trào đấu tranh tiêu biểu, sự ra đời lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học, sự trưởng thành về tổ chức của phong trào, vai trò, đặc điểm phong trào thời cận đại. Đối với *Phong trào giải phóng dân tộc thời cận đại* tập trung làm rõ những lý luận cơ bản của phong trào, khảo sát một số phong trào tiêu biểu ở châu Á, châu Phi, khu vực Mỹ Latinh, qua đó rút ra điểm tương đồng, khác biệt giữa các phong trào.

2.6.53. [1070048], [Lịch sử thế giới hiện đại 1], [2]

Học phần cung cấp cho người học một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản và cập nhật về các sự kiện lịch sử tiêu biểu nhất trong Lịch sử thế giới giai đoạn 1917 đến nay. Cụ thể: Cách mạng tháng 10 và ảnh hưởng của nó tới phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế; bước thăng trầm của chủ nghĩa tư bản và sự thích của nó; những thay đổi trong quan hệ quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất. Thành tựu cơ bản và tác động của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật với nhân loại. Nắm được các khái niệm, thuật ngữ: Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, chính sách cộng sản thời chiến, tập thể hóa nông nghiệp, phong trào cộng sản quốc tế thời hiện đại, chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước.

2.6.54. [1070049], [Lịch sử thế giới hiện đại 2], [2]

Trên cơ sở làm rõ các khái niệm liên quan, học phần cung cấp và cập nhật các quan điểm, nhận thức mới nhất và các kiến thức cốt lõi thuộc 3 lĩnh vực. Đối với *Quan hệ quốc tế* tập trung làm rõ mối quan hệ giữa các cường quốc và Thế chiến thứ hai. Đối với *Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế* từ cái nhìn tổng quan, đi sâu nghiên cứu các tổ chức quốc tế của phong trào Cộng sản quốc tế và của phong trào xã hội - dân chủ quốc tế. Đối với *Phong trào giải phóng dân tộc thời hiện đại* giúp sinh viên nắm thực chất và các con đường giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội của các nước Á, Phi, Mỹ Latinh.

2.6.55. [1070058], [Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại 1], [2]

Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành/chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đầu thế kỷ XV qua các thời kỳ: nguyên thủy, thời kì dựng nước và giữ nước đầu tiên của dân tộc (thế kỷ VII TCN - thế kỷ II TCN), thời Bắc thuộc và công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (thế kỷ II TCN - thế kỷ X), quá trình xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập tự chủ, thống nhất ở thế kỷ X và công cuộc xây dựng quốc gia dân tộc hùng mạnh thời Lý, Trần, Hồ từ thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XV.

2.6.56. [2030181], [Lịch sử Việt Nam cổ - trung đại 2], [2]

Lịch sử Việt Nam cổ-trung đại 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành/chuyên ngành Lịch sử. Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lịch sử Việt Nam từ đầu thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX, bao gồm: phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỷ XV và khởi nghĩa Lam Sơn; Công cuộc xây dựng đất nước của nhà nước Lê Sơ (thế kỷ XV); tình hình Việt Nam từ thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII trên tất cả các mặt: kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội; nhà Nguyễn và những chính sách của triều Nguyễn nửa đầu thế kỷ XIX. Thông qua đó giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của lịch sử dân tộc từ thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XIX, phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu và giảng dạy lịch sử.

2.6.57. [1070056], [Lịch sử Việt Nam cận đại 1], [2]

Học phần giúp sinh viên nắm được bối cảnh nước ta nửa sau thế kỷ XIX, tiến trình xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp và cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống Pháp xâm lược trên các mặt trận (1858- 1884). Trên cơ sở đó đánh giá về thái độ, trách nhiệm của triều Nguyễn đối với việc để mất nước ta vào tay Pháp nửa sau thế kỷ XIX. Tình hình Việt Nam sau khi triều Nguyễn ký hai Hiệp ước Hác-măng (1883) và Patonốt (1884). Diễn biến và đặc điểm của phong trào đấu tranh chống Pháp những năm cuối thế kỷ XIX. Từ đó lý giải về nguyên nhân thất bại của phong trào chống Pháp giai đoạn này. Những biến đổi về kinh tế, xã hội và tư tưởng dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897- 1914). Sự nảy sinh của trào lưu dân chủ tư sản và những nét mới, tiến bộ của phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản từ đầu thế kỷ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất.

2.6.58. [1070057], [Lịch sử Việt Nam cận đại 2], [2]

Học phần giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về sự chuyển biến mới của Việt Nam thời kỳ 1919 – 1945. Quá trình vận động thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Diễn tiến của cuộc cách mạng tư sản dân quyền từ năm 1930 đến năm 1945. Trên cơ sở đó, phân biệt được các khái niệm: cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; khởi nghĩa địa phương và khởi nghĩa từng phần.

2.6.59. [1070061], [Lịch sử Việt Nam hiện đại 1], [2]

Học phần cung cấp cho người học một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về những sự kiện của lịch sử Việt Nam từ khi Cách mạng tháng Tám thành công đến năm 1965. Trong giai đoạn này dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Việt Nam đã tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi (1945 - 1954); kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam với việc đánh bại chiến lược “Chiến tranh đơn phương” (1954 - 1960), “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965); đồng thời nêu bật quá trình miền Bắc tiến hành công cuộc cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất và bước đầu xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội (1954 - 1965).

2.6.60. [1070062], [Lịch sử Việt Nam hiện đại 2], [2]

Lịch sử Việt Nam hiện đại 2 là học phần thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm lịch sử. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1965 - 1975); quá trình hoàn thành thống nhất đất nước về mặt Nhà nước, bước đầu cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1976); quá trình đổi mới toàn diện đất nước từ 1986 đến nay trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Qua đó, giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ, toàn diện về lịch sử của dân tộc; có ý thức và trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.6.61. [1070015], [Chủ nghĩa tư bản hiện đại và chủ nghĩa xã hội hiện thực], [2]

Trên cơ sở tường minh các khái niệm: “Chủ nghĩa tư bản hiện đại”, “Chủ nghĩa tư bản cổ điển”, “Chủ nghĩa xã hội mácxít”, “Chủ nghĩa xã hội hiện thực” v.v..., học phần đi sâu tìm hiểu những cải biến, đặc điểm cũng như xu hướng vận động và các mô hình khu vực của chủ nghĩa tư bản trong thời đương đại; đồng thời cung cấp cho người học các kiến thức cập nhật về lịch sử chủ nghĩa xã hội hiện thực trong gần 100 năm qua cũng như dự báo triển vọng của nó. Học phần này đưa ra cách tiếp cận vấn đề mang tính đa chiều, là một dạng kiến thức “mở”, nhằm khuyến khích sự nghiên cứu tiếp tục của sinh viên, ngay cả sau khi học xong tín chỉ này.

2.6.62. [1070152], [Những cuộc cải cách trong lịch sử thế giới], [3]

Cải cách, đổi mới là phương thức thúc đẩy tiến bộ xã hội phổ biến trong lịch sử nhân loại từ xưa đến nay. Có nhiều mức độ và quy mô cải cách khác nhau: cải cách thích ứng và cải cách cách mạng (duy tân), cải cách cục bộ (đơn diện) và cải cách toàn diện... Học phần giúp làm sáng tỏ các loại hình cải cách đó trong suốt chiều dài lịch sử thế giới; qua đó, so sánh những nét tương đồng và dị biệt về cải cách qua từng thời kỳ lịch sử cũng như giữa các châu lục.

2.6.63. [2030097], [Lịch sử khu vực Đông Nam Á], [3]

Trên cơ sở nắm bắt các thuật ngữ /khái niệm cơ bản như: “Đông Nam Á”; “vương quốc cổ”; “vương quốc dân tộc”; “cố kết quốc gia”; “hội nhập khu vực”, học phần tìm hiểu những nét đặc thù riêng của Đông Nam Á so với các khu vực khác; tìm hiểu có tính hệ thống về lịch sử tiến triển của mỗi quốc gia cũng như toàn khu vực; đặc biệt đi sâu khảo sát vấn đề cố kết quốc gia và hội nhập khu vực. Với cách tiếp cận khu vực học, học phần mang yếu tố mở, chỉ cung cấp các kiến thức nền tảng và gợi mở cho sinh viên các hướng cần tiếp cận.

2.6.64. [2030094], [Cơ cấu xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc (1858-1945)], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết có hệ thống, toàn diện về điều kiện lịch sử và quá trình chuyển biến từ cơ cấu xã hội cổ truyền sang cơ cấu xã hội thuộc địa ở Việt Nam cũng như sự chuyển biến trong các thành tố của cơ cấu xã hội Việt Nam những năm 1858 - 1945. Trên cơ sở đó, nêu lên những nhận định về đặc điểm, tính chất của cơ cấu xã hội Việt Nam thời Pháp thuộc và ảnh hưởng của nó đến sự phát sinh, phát

triển các trào lưu yêu nước, cách mạng ở Việt Nam thời cận đại.

2.6.65. [2030098], [Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975)], [2]

Học phần Nghệ thuật quân sự Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1945-1975) thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm lịch sử. Trên cơ sở trình bày khái quát những thắng lợi quân sự của quân và dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, học phần làm rõ những đặc sắc về nghệ thuật quân sự Việt Nam... Qua đó, giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ, toàn diện về lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc; có ý thức và trách nhiệm với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

2.6.66. [2030091], [Lịch sử kinh tế Việt Nam], [2]

Học phần trình bày quá trình phát triển của kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ: thời nguyên thủy, dựng nước và giữ nước, thời phong kiến độc lập, thời Pháp thuộc, kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954); kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975), thời kỳ đất nước hòa bình, thống nhất và phát triển kinh tế từ 1976 – 1986; thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế (1986 đến nay). Trên cơ sở đó, giúp người học nhận diện đặc trưng của nền kinh tế Việt Nam qua mỗi thời kỳ và xác định trách nhiệm bản thân đối với sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước hiện nay.

2.6.67. [1070157], [Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam], [3]

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của Nhà nước và pháp luật Việt Nam từ buổi đầu xuất hiện nhà nước cho đến nay. Trên cơ sở này làm rõ cơ cấu, tổ chức, đặc điểm bộ máy nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ; cùng với đó là hoạt động đào tạo, tuyển chọn, sử dụng, giám sát, khen thưởng, kỷ luật đội ngũ quan chức của từng chính quyền nhà nước. Đồng thời, làm rõ thành tựu lập pháp, cũng như nội dung, đặc điểm của pháp luật qua từng thời kỳ lịch sử.

2.6.68. [2030092], [Lịch sử Trung Cận Đông và Bắc Phi], [2]

Trước hết, học phần tập trung làm rõ khái niệm “Trung Cận Đông và Bắc Phi” trên tất cả các phương diện: địa lý - lãnh thổ, văn hóa, lịch sử và chính trị... Trên cơ sở đó, học phần giúp sinh viên đi sâu khảo sát lịch sử và nhìn nhận các đặc trưng của khu vực trong suốt chiều dài lịch sử từ cổ đại đến nay, nhất là về công cuộc giải phóng xã hội và về tình trạng quan hệ quốc tế thời cận hiện đại ở khu vực. Để có sự nhận thức sâu hơn về khu vực Trung Cận Đông-Bắc Phi, trong khi nghiên cứu, học phần chú trọng phương pháp đối sánh giữa lịch sử Trung Cận Đông - Bắc Phi với lịch sử hiện đại các khu vực khác trên thế giới.

2.6.69. [2030093], [Phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh], [2]

Cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận về phong trào giải phóng dân tộc với các nội dung: Những vấn đề lý luận về đấu tranh giải phóng dân tộc; vấn đề lựa chọn con đường giải phóng dân tộc; vấn đề giai cấp lãnh đạo và phương pháp đấu tranh giải phóng dân tộc. Song hành với những vấn đề lý luận là minh chứng cụ thể ở Á, Phi và Mỹ Latinh trong thực tiễn.

2.6.70. [2030095], [Mặt trận thống nhất trong cách mạng Việt Nam], [2]

Học phần trình bày tiền đề lý luận và thực tiễn thành lập mặt trận dân tộc thống nhất, trong đó Đảng là người đặt nền móng trên cơ sở tư tưởng Hồ Chí Minh về khối đại đoàn kết dân tộc. Quá trình thành lập và sự phát triển của mặt trận dân tộc thống nhất trong những năm 1930 - 1975. Từ đó, làm sáng tỏ mặt trận dân tộc thống nhất là một trong những nhân tố quyết định đến mọi sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Đảng vừa là thành viên vừa là tổ chức lãnh đạo Mặt trận dân tộc thống nhất.

2.6.71. [2030096], [Cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam], [2]

Học phần cải cách và đổi mới trong tiến trình lịch sử Việt Nam thuộc khối kiến thức ngành trong chương trình đào tạo trình độ đại học ngành sư phạm lịch sử. Trên cơ sở xác định mục tiêu và chuẩn đầu ra, học phần được xây dựng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cập nhật về những cuộc cải cách trong lịch sử và công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay. Qua đó, giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ, toàn diện về quy luật phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam.

2.6.72. [2010070], [Phương pháp nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương], [2]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về khái niệm, đối tượng nghiên cứu lịch sử địa phương; vị trí, ý nghĩa, tình hình và nội dung cơ bản của công tác nghiên cứu lịch sử địa phương; những kiến thức về phương pháp nghiên cứu lịch sử địa phương, bao gồm: tổ chức nghiên cứu lịch sử địa phương, các nguồn tư liệu trong nghiên cứu lịch sử địa phương, công tác sưu tầm và giám định các nguồn tư liệu trong nghiên cứu lịch sử địa phương; những kiến thức về biên soạn và giảng dạy lịch sử địa phương ở trường THPT. Trên cơ sở đó giúp cho người học biết thực hiện việc nghiên cứu, biên soạn và giảng dạy một vấn đề lịch sử địa phương ở trường THPT.

2.6.73. [1070086], [Nhập môn sử học], [2]

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lịch sử, khoa học lịch sử, lịch sử của khoa học lịch sử, gia đình của khoa học lịch sử; đồng thời trang bị cho người học nắm được chương trình đào tạo, năng lực và phương pháp học tập chuyên ngành Sư phạm Lịch sử.

2.6.74. [107 0102], [Phương pháp luận sử học], [2]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức về khái niệm, nội dung, lịch sử phát triển của phương pháp luận sử học nói chung; những hiểu biết cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít-lêninnít về hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử và khoa học lịch sử; đồng thời nắm vững những quan điểm cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít-lêninnít trong nhận thức lịch sử. Từ đó, rèn luyện kỹ năng vận dụng những vấn đề lý luận cơ bản của phương pháp luận sử học mácxít-lêninnít trong công tác sử học, đấu tranh chống lại các quan điểm sử học phi mácxít.

2.6.75. [107 0164], [Phương pháp dạy học Lịch sử 1], [3]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức liên quan đến Khoa học phương pháp dạy học lịch sử, về Bộ môn Lịch sử ở trường phổ thông Việt Nam. Đặc biệt học phần còn giúp cho người học đi sâu làm rõ các chức năng, nhiệm vụ của Bộ môn Lịch sử ở trường THPT; đó là: Hình thành kiến thức lịch sử cho học sinh THPT; Giáo dục học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT; Phát triển học sinh trong dạy học lịch sử ở trường THPT.

2.6.76. [107 0165], [Phương pháp dạy học Lịch sử 2], [2]

Học phần trình bày những hiểu biết cơ bản về quá trình dạy học; đổi mới phương pháp dạy học; hệ thống phương pháp dạy học lịch sử, một số phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại và các biện pháp, thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường THPT. Trên cơ sở đó, học phần chỉ ra mối liên hệ giữa các phương pháp dạy học lịch sử phù hợp với đặc trưng của nhận thức lịch sử. Dựa vào những kiến thức này, người học có thể lí giải việc lựa chọn các biện pháp và thao tác sư phạm trong dạy học lịch sử ở trường THPT một cách sáng tạo, hợp lý.

2.6.77. [107 0166], [Phương pháp dạy học Lịch sử 3], [2]

Học phần trình bày những hiểu biết cơ bản về các hình thức tổ chức dạy học lịch sử: Bài học lịch sử ở trường phổ thông; Hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử; Sử dụng phòng học bộ môn và bảo tàng trong dạy học lịch sử.

Với những kiến thức cơ bản đó, người học có thể chuẩn bị và tiến hành các hình thức tổ chức dạy học lịch sử; vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, hợp lý để tiến hành các hoạt động dạy học nhằm đạt được mục tiêu, góp phần nâng cao hiệu quả bài học lịch sử.

2.6.78. [2010071], [Thực tế chuyên môn], [2]

Học phần giúp sinh viên tìm hiểu và nghiên cứu lịch sử thông qua tìm hiểu thực tế trên cơ sở kiến thức chung về lịch sử dân tộc. Qua đó, giúp sinh viên nắm vững và vận dụng các phương pháp nghiên cứu, sưu tầm, tìm hiểu lịch sử, bao gồm cách tiếp cận các nguồn tài liệu, phương pháp và kỹ thuật thu thập tài liệu, việc xử lý các nguồn tài liệu, biên soạn và giảng dạy lịch sử.

2.6.79. [1070169], [Hoạt động trải nghiệm trong dạy học Lịch sử ở trường THPT], [2]

Học phần trình bày những hiểu biết cơ bản về hoạt động trải nghiệm trong dạy học; khái quát vai trò, ý nghĩa, các hình thức của hoạt động trải nghiệm cũng như mối quan hệ của hoạt động này với hoạt động ngoại khóa trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông; những yêu cầu và việc xác định nội dung của hoạt động trải nghiệm; những nguyên tắc và biện pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học lịch sử, phù hợp với điều kiện thực tế ở các trường phổ thông.

2.6.80. [2010073], [Kiểm tra, đánh giá trong dạy học Lịch sử], [2]

Học phần trình bày những nội dung cơ bản về kiểm tra, đánh giá trong dạy học lịch sử ở trường phổ thông: Quan niệm, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung, loại hình, hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá.

Trên cơ sở những nội dung cơ bản nói trên, người học vận dụng vào việc biên soạn đề kiểm tra, đánh giá và tổ chức kiểm tra, đánh giá đúng quy trình, quy định, kỹ thuật, theo định hướng phát triển năng lực học sinh, phù hợp với điều kiện thực tế ở các trường phổ thông.

2.6.81. [2010072], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 1], [2]

Học phần trình bày những nhận thức cơ bản về rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên sư phạm Lịch sử. Từ nhận thức lý luận, giảng viên hướng dẫn và tổ chức sinh viên rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cơ bản: Diễn đạt; Trình bày bảng; Xây dựng và sử dụng đồ dùng trực quan; Làm hồ sơ tư liệu dạy học; Tổ chức hoạt động nhóm; Tổ chức tự học.

2.6.82. [107 0255], [Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm 2], [2]

Học phần được cấu tạo thành 20 bài thực hành về các loại bài học như bài nghiên cứu kiến thức mới, bài ôn tập, sơ kết, tổng kết, bài học tại thực địa, nhà bảo tàng, phòng truyền thống, bài học lịch sử địa phương, bài giảng điện tử thuộc chương trình, sách giáo khoa lịch sử các khối lớp 10, lớp 11, lớp 12 và hoạt động ngoại khóa lịch sử. Trên cơ sở hoàn thành những bài thực hành này, các sinh viên dần hình thành các kỹ năng sư phạm và tiếp tục vận dụng sáng tạo, hiệu quả trong dạy học lịch sử ở trường THPT.

2.6.83. [2010074], [Phương tiện kỹ thuật trong dạy học Lịch sử], [2]

Học phần trình bày những hiểu biết cơ bản về cơ sở lý luận và vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng phương tiện kỹ thuật trong dạy học lịch sử. Trên cơ sở đó, học phần làm rõ việc phân loại và biện pháp sử dụng các phương tiện này trong dạy học lịch sử; trình bày khái niệm về Bài giảng điện tử và các yêu cầu, quy trình thiết kế cũng như tiêu chí đánh giá bài giảng điện tử. Học phần còn trình bày những nguyên tắc sử dụng và một số ứng dụng cơ bản của Internet cũng như một số phần mềm phổ biến góp phần đáp ứng các yêu cầu dạy học lịch sử ở trường THPT.

2.6.84. [1070168], [Kênh hình trong dạy học Lịch sử], [2]

Học phần trình bày những hiểu biết cơ bản về khái niệm kênh hình trong dạy học; cơ sở xuất phát và vai trò, ý nghĩa của việc sử dụng kênh hình trong dạy học lịch sử. Trên cơ sở đó, học phần làm rõ các cách phân loại và biện pháp sử dụng các loại kênh hình trong dạy học lịch sử, trình bày thao tác kỹ thuật tự biên tập ảnh, video tư liệu và tự xây dựng bản đồ, các loại sơ đồ, bảng, biểu trên cơ sở khai thác các nguồn tư liệu khác nhau nhằm kịp thời đáp ứng các yêu cầu dạy học lịch sử ở trường phổ thông.

2.6.85. [1070119], [Thực tập sư phạm 1], [1]

Hình thành và phát triển cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử các kỹ năng dạy học hóa học, các năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế trong giờ học ở trường trung học phổ thông.

2.6.86. [1070120], [Thực tập sư phạm 2], [5]

Hình thành và phát triển cho sinh viên ngành sư phạm Lịch sử các kỹ năng dạy học hóa học, thực hiện năng lực ứng xử với giáo viên và giao tiếp với học sinh, năng lực giải quyết các tình huống thực tế được trải nghiệm trong giờ học ở trường trung học phổ thông.

2.6.87. [2010075], [Khóa luận tốt nghiệp], [6]

Hướng dẫn cho sinh viên làm nghiên cứu khoa học có nội dung gắn liền với ngành học, theo 3 chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam, Lịch sử thế giới, Lý luận và phương pháp dạy học Lịch sử.

2.6.88. [1070171], [Một số vấn đề cơ bản về lịch sử thế giới], [2]

Giúp cho sinh viên nắm và hiểu sâu một số vấn đề cơ bản của lịch sử thế giới từ cổ đại tới hiện đại với các nội dung : Vấn đề nhà nước và pháp luật thời cổ trung đại; một số vấn đề về cách mạng tư sản; Những nét mới của phong trào GPDT thời hiện đại; Một số vấn đề về CNTB thời hiện đại và CNXH . Trên cơ sở đó giúp sinh viên đi sâu nghiên cứu khái niệm và bản chất của một số vấn đề lịch sử thế giới hiện đại.

2.6.89. [1070172], [Sự lựa chọn con đường cứu nước và phát triển xã hội ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nay], [2]

Học phần cung cấp cho người học một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản về con đường cứu nước phát triển xã hội ở Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến nay. Cụ thể: phong trào tự vệ giữ đất, giữ làng, con đường cứu nước theo ngọn cờ phong kiến, phong trào cứu nước và phát triển xã hội theo huynh hướng tư sản, tiểu tư sản và vô sản. Làm rõ, những đóng góp và những hạn chế của các phong trào cứu nước và phát triển xã hội ở Việt Nam, từ đó khẳng định sự lựa chọn con đường cứu nước và phát triển xã hội theo cách mạng vô sản là duy nhất đúng ở Việt Nam và được lịch sử dân tộc Việt Nam lựa chọn từ năm 1930. Từ năm 1930 con đường cứu nước và phát triển xã hội ở Việt Nam theo cách mạng vô sản đã làm nên những thắng lợi to lớn: cách mạng tháng Tám năm 1945, thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ đi đến thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1975. Học phần còn làm nổi bật những thành tựu, hạn chế trong công cuộc xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay.

2.6.90. [2010076], [Phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử], [2]

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận và thực tiễn của việc dạy học phát triển năng lực học sinh ở trường phổ thông nói chung; những kiến thức về đặc điểm năng lực môn Lịch sử và yêu cầu dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử cho học sinh THPT; những kiến thức về sử dụng các phương pháp, kỹ thuật phát triển năng lực học sinh trong dạy học Lịch sử ở trường THPT.

Bình Định, ngày 23 tháng 9 năm 2022

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Đình Lương

TP. ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC



TS. Lê Xuân Vinh

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

